

Số: /QĐ-UBND

Sơn La, ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành bổ sung Kế hoạch thu nộp, cập nhật thông tin, dữ liệu
Nông nghiệp và Môi trường trên địa bàn tỉnh Sơn La năm 2025**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/02/2025;

Căn cứ Luật Lưu trữ ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật ngày 25/11/2013;

Căn cứ Luật Thủy lợi ngày 19/6/2017;

Căn cứ luật Trồng trọt ngày 19/11/2018;

Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 27/11/2023;

Căn cứ Nghị định số 01/2013/NĐ-CP ngày 03/01/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lưu trữ; Nghị định số 73/2017/NĐ-CP ngày 14/6/2017 của Chính phủ về thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường; Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên; Nghị định số 30/2020/NĐ-CP ngày 05/3/2020 của Chính phủ về công tác văn thư; Nghị định 47/2020/NĐ-CP ngày 09/4/2020 của Chính Phủ về quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của cơ quan, nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 10/2022/TT-BNV ngày 19/12/2022 của Bộ Nội vụ quy định thời hạn bảo quản tài liệu, Thông tư số 03/2022/TT-BTNMT ngày 28/02/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Quy định kỹ thuật và Định mức kinh tế - kỹ thuật về công tác thu nhận, lưu trữ, bảo quản và cung cấp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường; Thông tư số 136/2017/TT-BTC ngày 22/12/2017 của Bộ Tài chính quy định lập, quản lý, sử dụng kinh phí chi hoạt động kinh tế đối với các nhiệm vụ chi về tài nguyên môi trường; Thông tư số 26/2014/TT-BTNMT ngày 28/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy trình và Định mức kinh tế - kỹ thuật xây dựng cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường;

Căn cứ Nghị quyết số 433/NQ-HĐND ngày 05/12/2024 của HĐND tỉnh Sơn La về việc ban hành danh mục dịch vụ sự nghiệp công lĩnh vực hoạt động kinh tế Tài nguyên và Môi trường sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Sơn La;

Căn cứ Quyết định số 20/2025/QĐ-UBND ngày 28/02/2025 của UBND tỉnh về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Sơn La;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 340/TTr-SNNMT ngày 29/4/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này bổ sung Kế hoạch thu nộp, cập nhật thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường trên địa bàn tỉnh Sơn La năm 2025.

(có Kế hoạch chi tiết kèm theo)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường

a) Chỉ đạo Trung tâm Chuyển đổi số và thông tin, dữ liệu *(đơn vị thu thập, cập nhật, lưu trữ thông tin, tài liệu của ngành)* thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường tổ chức thực hiện bổ sung kế hoạch thu nộp, cập nhật thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường đảm bảo theo đúng pháp luật.

b) UBND tỉnh uỷ quyền cho Sở Nông nghiệp và Môi trường thực hiện giao nhiệm vụ cho Trung tâm Chuyển đổi số và thông tin, dữ liệu thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường tổ chức thực hiện bổ sung kế hoạch thu nộp, cập nhật thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường năm 2025.

c) Tổ chức kiểm tra, nghiệm thu các sản phẩm chỉnh lý, số hóa *(Scan bằng phương pháp quét, chụp tài liệu)* thông tin, dữ liệu về nông nghiệp và môi trường năm 2025 theo đúng quy định của pháp luật *(Lưu ý: trong quá trình điều tra, thu thập cần kế thừa các tài liệu, số liệu đã được số hóa trên hệ thống giải quyết thủ tục hành chính công và phần mềm VNPT IOFFICE của tỉnh Sơn La để lưu trữ theo quy định)*.

d) Chịu trách nhiệm toàn diện về số liệu, quy trình trình ban hành Kế hoạch tại Quyết định này; Chịu trách nhiệm toàn diện về các kết luận của các cơ quan có thẩm quyền khi thực hiện thanh tra, kiểm tra, kiểm toán và các cơ quan pháp luật của Nhà nước; đồng thời chủ động chỉ đạo thanh tra, kiểm tra, nếu phát hiện có sai phạm thì kịp thời báo cáo UBND tỉnh để xem xét, xử lý theo quy định.

2. Các Sở, ban, ngành liên quan: Căn cứ chức năng, nhiệm vụ tổ chức, triển khai thực hiện kế hoạch này.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Môi trường, Tài chính; Giám đốc Kho bạc Nhà nước khu vực IX; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành./.

Nơi nhận:

- TT tỉnh uỷ (b/c);
- TT HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch UBND tỉnh (b/c);
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- Trung tâm thông tin tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Các phòng: TH, KT - VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT - Thiện 20 bản.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Đặng Ngọc Hậu

KẾ HOẠCH**Bổ sung khối lượng tài liệu thu nộp thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường trên địa bàn tỉnh Sơn La năm 2025**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2025
của UBND tỉnh Sơn La)

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU**1. Mục đích**

Triển khai, thực hiện có hiệu quả Luật Lưu trữ; Bảo đảm phục vụ kịp thời công tác quản lý Nhà nước trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường, góp phần phát triển kinh tế - xã hội, khoa học kỹ thuật của tỉnh; bảo đảm tài liệu hình thành trong quá trình hoạt động cơ quan nhà nước được thu nộp đầy đủ, chính xác, có hệ thống, liên tục thông tin, dữ liệu tài liệu, sản phẩm các dự án có nguồn vốn từ ngân sách nhà nước, từng bước đưa công tác thu nộp, lưu trữ, thực hiện số hóa, thiết lập dữ liệu điện tử làm cơ sở chuyển đổi số và phục vụ khai thác, sử dụng dữ liệu nông nghiệp và môi trường trên địa bàn tỉnh đi vào nền nếp, cung cấp thông tin nhanh chóng, kịp thời.

Bảo đảm hồ sơ, tài liệu được thu nộp, lưu trữ đầy đủ, kịp thời, đúng quy định sau khi hợp nhất Sở Tài nguyên và Môi trường và Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn không bị tồn đọng, bó gói, chất đống.

Chuẩn bị dữ liệu đầu vào để xây dựng cơ sở dữ liệu về nông nghiệp và môi trường tỉnh Sơn La, phục vụ công tác quản lý Nhà nước và đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng - an ninh trên địa bàn tỉnh;

Số hóa (*bằng phương pháp quét, chụp*) văn bản, tài liệu nông nghiệp và môi trường, hình thành kho dữ liệu điện tử của ngành, ứng dụng các phần mềm để khai thác dữ liệu; từng bước cung cấp dữ liệu mở phục vụ các nhu cầu tiếp cận, khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường góp phần thực hiện kế hoạch chuyển đổi số ngành Nông nghiệp và Môi trường.

2. Yêu cầu

Hồ sơ, tài liệu đã hình thành trong quá trình hoạt động của cơ quan nhà nước (*lĩnh vực ngành nông nghiệp cũ*) phải được thu nộp đầy đủ, sắp xếp, chỉnh lý, quét chụp và bảo quản theo quy định của Luật lưu trữ và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Thực hiện thu nộp thông tin, dữ liệu tuân thủ theo quy định của Luật Lưu trữ, các văn bản hướng dẫn thi hành và Quyết định số 32/2019/QĐ-UBND ngày 21/8/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Quy chế thu nộp, quản lý, khai thác, chia sẻ và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Sơn La; Quyết định số 31/2022/QĐ-UBND ngày 17/10/2022 của Ủy ban nhân dân

tính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế thu nộp, quản lý, khai thác, chia sẻ và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Sơn La ban hành kèm theo Quyết định số 32/2019/QĐ-UBND ngày 21/8/2019 của UBND tỉnh Sơn La; Thông tư số 10/2022/TT-BNV ngày 19/12/2022 của Bộ Nội vụ quy định thời hạn bảo quản tài liệu; Thông tư số 03/2022/TT-BTNMT ngày 28/02/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về ban hành Quy định kỹ thuật và Định mức kinh tế - kỹ thuật về công tác thu nhận, lưu trữ, bảo quản và cung cấp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường.

Việc thu nộp, cập nhật thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường phải tuân thủ đúng các quy định, quy trình, quy phạm, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, định mức kinh tế - kỹ thuật, cập nhật dữ liệu.

Nội dung hồ sơ, tài liệu đã hình thành trong quá trình hoạt động của cơ quan nhà nước phải được thu nộp, bảo quản, cập nhật phải chính xác, kịp thời, hiệu quả; ưu tiên mục tiêu sử dụng dài hạn; ưu tiên có thể dùng cho nhiều mục đích sử dụng khác nhau.

Ứng dụng công nghệ thông tin để đảm bảo việc thu nộp, xử lý, cập nhật dữ liệu một cách đầy đủ, nhanh chóng, chính xác, đồng thời bảo đảm việc xây dựng, lưu trữ an toàn cơ sở dữ liệu.

Có sự phối hợp chặt chẽ, thống nhất giữa các phòng, chi cục, đơn vị sự nghiệp thuộc Sở, đảm bảo thực hiện hiệu quả, hoàn thành dứt điểm từng nội dung Kế hoạch.

Công bố, cung cấp, khai thác, sử dụng thuận tiện, kịp thời cho mọi đối tượng theo quy định của pháp luật.

II. KHỐI LƯỢNG THÔNG TIN, DỮ LIỆU NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG CẦN THU NỘP

1. Các phòng, chi cục, đơn vị thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường (*linh vực nông nghiệp cũ*): Thống kê danh mục thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường đã hoàn thành phải giao nộp gửi Trung tâm Chuyển đổi số và thông tin, dữ liệu thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường để tổng hợp, xây dựng kế hoạch.

2. Khối lượng thông tin, dữ liệu

a) Khối lượng thông tin, dữ liệu đã khảo sát, dự kiến thu nộp:

STT	Tên thông tin, dữ liệu	Dạng dữ liệu	Số lượng	Đơn vị tính (<i>mét giá</i>)	Số lượng dự kiến (tờ)	Ghi chú
	Tổng số		300		1.500.000	
1	Hồ sơ công trình dự án thuộc lĩnh vực thủy lợi	Giấy	50	m	250.000	
2	Hồ sơ dự án, mô hình thuộc lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật	Giấy	20	m	155.000	
3	Hồ sơ về các dự án nước sạch	Giấy	150	m	90.000	

STT	Tên thông tin, dữ liệu	Dạng dữ liệu	Số lượng	Đơn vị tính (mét giá)	Số lượng dự kiến (tờ)	Ghi chú
4	Hồ sơ về lĩnh vực khuyến nông	Giấy	20	m	150.000	
5	Hồ sơ về chăn nuôi và thú y	Giấy	46	m	325.000	
6	Hồ sơ về Phát triển nông thôn	Giấy	02	m	10.000	
7	Hồ sơ về Kế toán (nông nghiệp)	Giấy	10	m	50.000	
8	Hồ sơ văn bản đi (nông nghiệp)	Giấy	02	m	10.000	

b) Khối lượng thông tin dữ liệu dự kiến thực hiện chỉnh lý bổ sung năm 2025

STT	Tên thông tin, dữ liệu	Dạng dữ liệu	Số lượng	Đơn vị tính (mét giá)	Số lượng dự kiến (tờ)	Ghi chú
	Tổng số		32		160.000	
1	Hồ sơ công trình dự án thuộc lĩnh vực thủy lợi	Giấy	22	m	110.000	
2	Hồ sơ dự án, mô hình thuộc lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật	Giấy	10	m	50.000	

(Chi tiết có phụ lục 01, 02 kèm theo)

III. NỘI DUNG THỰC HIỆN KẾ HOẠCH THU NỘP THÔNG TIN, DỮ LIỆU NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

1. Công tác chuẩn bị

a) Đơn vị giao nộp thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường (các phòng, chi cục, đơn vị thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường).

- Lập và cung cấp danh mục thông tin, tài liệu phải giao nộp vào lưu trữ; lập kế hoạch thu nộp thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường theo thẩm quyền và tổ chức thực hiện kế hoạch theo quy định.

- Chỉ đạo cán bộ được giao giải quyết công việc tiến hành lập hồ sơ công việc (từ khi triển khai đến khi kết thúc công việc) ngay trong quá trình giải quyết công việc đối với từng hồ sơ công việc theo quy định của Luật Lưu trữ và Nghị định 30/2020/NĐ-CP ngày 05/6/2020 của Chính phủ và các văn bản hướng dẫn thi hành.

- Thực hiện giao nộp hồ sơ, tài liệu thông tin, dữ liệu; cung cấp thông tin, dữ liệu theo đúng quy định. Tài liệu giao nộp gồm bản giấy và bản số (nếu có).

b) Đơn vị thu nhận thông tin, dữ liệu

- Triển khai thực hiện Kế hoạch điều tra, thu nộp, cập nhật thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường sau khi được phê duyệt.

- Thống nhất với đơn vị giao nộp về thời gian, địa điểm, phương thức giao nhận, phương tiện tiếp nhận và các nội dung khác có liên quan.

- Bố trí kho, đề xuất trang thiết bị cần thiết đảm bảo điều kiện lưu trữ, bảo quản an toàn dữ liệu.

- Đôn đốc các phòng, chi cục, đơn vị có liên quan giao nộp thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường theo quy định.

2. Kiểm tra tài liệu thu nộp

a) Kiểm tra tài liệu dạng giấy, gồm:

- Số lượng tài liệu so với danh mục tài liệu giao nộp;
- Tính pháp lý của tài liệu (*ký duyệt, đóng dấu, ...*);
- Tình trạng vật lý của tài liệu (*rách nát, độ bền, ...*).

b) Kiểm tra tài liệu dạng số, gồm:

- Số lượng đĩa với danh mục giao nộp (*hình thức, nội dung, tem nhãn*);
- Số lượng tài liệu so với danh mục tài liệu giao nộp; Nội dung của đĩa (*tên danh mục, quy cách, cấu trúc thư mục, số lượng tệp tin...*);
- Tình trạng vật lý của tài liệu (*chất lượng đĩa và chất lượng bề mặt đĩa*);
- Chất lượng dữ liệu (*khả năng đọc bằng phần mềm tạo ra tài liệu đó, dung lượng, phiên bản cuối cùng, quy định kỹ thuật...*);
- Làm tem nhãn tạm đối với những đĩa chưa có tem nhãn và mục lục tệp tin dữ liệu, các thông tin trên đĩa.

c) Trường hợp thông tin, dữ liệu chưa đạt yêu cầu theo quy định, Đơn vị tiếp nhận lập Phiếu kiểm tra và ghi rõ các yêu cầu sửa chữa, hoàn thiện và thời gian giao nộp. Đơn vị giao nộp phải có trách nhiệm hoàn thiện các nội dung giao nộp cho đơn vị giao nộp đảm bảo đúng quy định và thời gian nêu tại biên bản giao nộp.

d) Lập Giấy xác nhận giao nhận, thống nhất danh mục tài liệu giao nộp.

3. Chinh lý tài liệu dạng giấy

a) Phân loại tài liệu, hồ sơ lưu trữ theo quy định (*Xác định thời hạn bảo quản, lĩnh vực*).

b) Biên mục hồ sơ (*sắp xếp hồ sơ theo hướng dẫn; nhập mục lục văn bản; in mục lục, kẹp vào bìa hồ sơ; viết bìa hồ sơ và chứng từ kết thúc*).

c) Kiểm tra, chỉnh sửa, hoàn chỉnh việc biên mục hồ sơ;

d) Vệ sinh, tháo bỏ ghim kẹp, làm phẳng tài liệu, cho vào bìa hồ sơ và đánh số chính thức lên bìa hồ sơ;

đ) Sắp xếp hồ sơ vào hộp (cặp) và viết, dán nhãn hộp;

e) Vận chuyển hồ sơ vào kho, xếp lên giá và giao, nhận tài liệu vào kho;

g) Kết thúc chỉnh lý.

h) Khối lượng chỉnh lý bổ sung năm 2025: 32 mét giá theo khối lượng thực tế (*Chi tiết có phụ lục kèm theo*).

4. Tổ chức, sắp xếp tài liệu dạng số

a) Hoàn thiện làm nhãn, mã trên đĩa dữ liệu số: ghi rõ mục lục tệp tin dữ liệu, các thông tin trên đĩa.

b) Phân loại, xác định giá trị tài liệu và thời hạn bảo quản.

c) Cho số, ký hiệu thứ tự đĩa lưu tài liệu (*CD, DVD*).

d) Sao lưu (*01 bản sao lưu trên đĩa CD, DVD và 01 bản lưu vào thiết bị lưu trữ*).

đ) Sắp xếp đĩa (*CD, DVD*) lên giá, tủ;

e) Công cụ tra cứu (*Trên giấy; phần mềm “Quản lý kho lưu trữ điện tử”*).

5. Tu bổ, phục chế, tiêu hủy tài liệu hết giá trị

Trong quá trình lưu trữ, Trung tâm Chuyển đổi số và thông tin, dữ liệu, các phòng, chi cục, đơn vị thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường phải rà soát, kiểm tra tài liệu, hồ sơ lưu trữ để kịp thời tu bổ, phục chế hoặc làm bản sao bảo hiểm đối với các tài liệu bị hư hỏng; làm thủ tục tiêu hủy các tài liệu hết giá trị (*hết thời hạn bảo quản, tài liệu hư hỏng không thể tu bổ, phục chế, tài liệu dư thừa...*);

6. Số hóa thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường

- Thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường thực hiện số hóa bổ sung trong năm 2025 là: 55.000 trang A4.

- Thông tin, dữ liệu, hồ sơ, tài liệu, văn bản được hình thành trong quá trình giải quyết công việc đã thu nộp, cập nhật, chỉnh lý và đang lưu trữ tại kho lưu trữ của Trung tâm Chuyển đổi số và thông tin, dữ liệu.

- Hồ sơ, tài liệu được thu nộp theo kế hoạch năm 2025, đã được chỉnh lý, sắp xếp theo quy định.

IV. SẢN PHẨM THU NỘP, SỐ HÓA THÔNG TIN, DỮ LIỆU TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

1. Sản phẩm thu nộp

a) Danh mục thông tin, dữ liệu phải thu nộp bổ sung năm 2025 (*theo kế hoạch đã được phê duyệt*). Số lượng trang hồ sơ, tài liệu đã thu nộp (*theo số liệu thực tế của từng hồ sơ đã hoàn thành*).

b) Tài liệu hồ sơ đã thu nộp, được phân loại, chỉnh lý và vận chuyển tài liệu, hồ sơ vào kho lưu trữ, đưa vào Hộp hồ sơ theo từng loại hồ sơ và xếp lên giá.

2. Số hóa dữ liệu

a) Dữ liệu nông nghiệp và môi trường được số hóa bằng phương pháp quét, chụp tài liệu, đã được kiểm tra nghiệm thu theo quy định.

b) Cơ sở dữ liệu kho lưu trữ đã được nhập và sử dụng.

V. KINH PHÍ, THỜI GIAN TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Nguồn kinh phí: Kinh phí thực hiện kế hoạch được cân đối từ nguồn ngân sách tỉnh (*nguồn không thường xuyên*).

2. Phương thức thực hiện: Giao nhiệm vụ.

3. Thời gian thực hiện: **Năm 2025.**

VI. NGUỒN NHÂN LỰC

Nguồn nhân lực thực hiện: Viên chức, người lao động tại Trung tâm Chuyển đổi số và thông tin, dữ liệu thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường.

VII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường

a) Lập dự toán bổ sung kinh phí thực hiện Kế hoạch thu nộp, cập nhật thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường trên địa bàn tỉnh Sơn La năm 2025 theo quy định của pháp luật.

b) Thực hiện giao nhiệm vụ cho Trung tâm Chuyển đổi số và thông tin, dữ liệu thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường tổ chức thực hiện kế hoạch thu nộp, cập nhật thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường.

c) Chỉ đạo Trung tâm Chuyển đổi số và thông tin, dữ liệu tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch thu nộp cập nhật thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường theo đúng quy định hiện hành; thực hiện chỉnh lý, số hoá thông tin, dữ liệu theo kế hoạch, bảo quản, lưu trữ và tu bổ thực hiện đúng quy định của Luật lưu trữ và các văn bản hướng dẫn nhằm tạo ra các điều kiện tốt nhất để bảo đảm an toàn và kéo dài tuổi thọ cho tài liệu, nhằm phục vụ được tốt các yêu cầu khai thác, sử dụng tài liệu.

d) Xây dựng, ban hành danh mục thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường hàng năm; Phối hợp và thực hiện công bố trên Cổng thông tin điện tử của UBND tỉnh và Trang thông tin điện tử của Sở Nông nghiệp và Môi trường. Gửi danh mục (*cập nhật theo năm*) thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường về Bộ Nông nghiệp và Môi trường (*qua Cục Chuyển đổi số trước ngày 15 tháng 12 hàng năm*).

đ) Tổ chức, quản lý thông tin, dữ liệu trên môi trường điện tử; xây dựng, vận hành cơ sở dữ liệu, cổng thông tin nông nghiệp và môi trường phục vụ lưu trữ, trao đổi, chia sẻ thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường giữa các cơ sở dữ liệu trong tỉnh, các tỉnh, thành phố và các bộ ngành.

e) Báo cáo công tác thu nộp, cung cấp thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường về UBND tỉnh và Bộ Nông nghiệp và Môi trường theo quy định.

2. Sở Tài chính: Thẩm định dự toán; tham mưu trình UBND tỉnh cân đối, bố trí bổ sung kinh phí cho Sở Nông nghiệp và Môi trường thực hiện bổ sung Kế hoạch thu nộp, cập nhật thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường. Thực hiện thanh quyết toán dự án theo quy định.

Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc báo cáo kịp thời về UBND tỉnh (*qua Sở Nông nghiệp và Môi trường*) để chỉnh sửa, bổ sung cho phù hợp./.

DANH MỤC THÔNG TIN, DỮ LIỆU VỀ THỦY LỢI

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2025 của UBND tỉnh)

TT	Nội dung hồ sơ	Dạng dữ liệu	Đơn vị	Số lượng trang A4	Ghi chú
1	Hồ sơ công trình xây dựng kè sạt lở hai bên bờ Suối Tắc huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La	Giấy	Hộp	Theo thực tế	
2	TKTK- BVTC Công trình Hồ thủy lợi Huổi Vành, huyện Yên Châu	Giấy	Hộp		
3	Kè suối Tắc, Phù Yên giai đoạn 1 (bước dự án)	Giấy	Hộp		
4	Hồ sơ pháp lý công trình kè suối Tắc	Giấy	Hộp		
5	BCKTKT công trình Trạm bơm và NSH bản Ót Luông xã Chiềng Cọ, TP Sơn La	Giấy	Hộp		
6	Kè Chống sạt lở 2 bên bờ Suối Tắc, huyện Phù Yên(giai đoạn II)	Giấy	Hộp		
7	Nhật ký thi công Kè suối Tắc	Giấy	Hộp		
8	Hồ sơ pháp lý công trình chống sạt lở kè suối tắc - Giai đoạn 2	Giấy	Hộp		
9	HS miễn thủy lợi phí năm 2008 huyện Thuận Châu	Giấy	Hộp		
10	Kè Suối Muội (dự án)	Giấy	Hộp		
11	NSH bản Khún, Lúa xã Mường Hung huyện Sông Mã	Giấy	Hộp		
12	HS Thủy Lợi Huổi Vành, xã Chiềng Đông, huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La- hạng mục kênh chính tưới sau đập; Kênh nhánh công trình trên kênh	Giấy	Hộp		
13	Kè chống sạt lở hai bờ Suối Tắc huyện Phù Yên (thiết kế BVTC)	Giấy	Hộp		
14	BCKTKT: Dự án XD mực nước tương ứng với các cấp báo động và các mốc cảnh báo lũ trên các Sông, Suối trên địa bàn tỉnh Sơn La	Giấy	Hộp		
15	Công trình kè chống sạt lở hai bên bờ suối Muội huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La (Dự án đầu tư)	Giấy	Hộp		
16	Thiết kế cơ sở: Công trình hồ Suối Chiếu, huyện Phù Yên	Giấy	Hộp		
17	Cấp NSH Liên bản Mo, xã Chiềng Khương, huyện Sông Mã	Giấy	Hộp		

TT	Nội dung hồ sơ	Dạng dữ liệu	Đơn vị	Số lượng trang A4	Ghi chú
18	Cấp NSH Trường Thiếu nhi Dân tộc, xã Tường Thượng huyện Phù yên	Giấy	Hộp		
19	HS BCKTKT Hệ thống lưới điện sinh hoạt khu TĐC, phòng tránh thiên tai - Đồng Giao bản Bau, xã Mường Cơi, huyện Phù yên	Giấy	Hộp		
20	HSBCKKTBVTK: CT thủy lợi Phai Me xã MƯỜNG VÀ huyện Sốp Cộp	Giấy	Hộp		
21	Cấp NSH bản Chẹn xã Mường Khoa huyện Bắc Yên	Giấy	Hộp		
22	Cấp NSH bổ sung điểm bố trí sắp xếp dân cư phòng tránh thiên tai bản Kéo Lôm xã Chiềng Lương	Giấy	Hộp		
23	Hồ sơ dự án đầu tư xây dựng nâng cấp hồ chứa nước Huổi Có và Tho Loong phục vụ sản xuất nông nghiệp tại Trung tâm huyện lỵ Quỳnh Nhai tại Phiêng Lanh	Giấy	Hộp		
24	BCKTKT-BVTK: Hồ sơ công trình thủy lợi bản Bằng Tạng, xã Dồm Cang, huyện Sốp Cộp	Giấy	Hộp		
25	Đề xuất quy hoạch chi tiết các CTTL lưu suối Nậm La	Giấy	Hộp		
26	NSH TT xã Chiềng Pằn	Giấy	Hộp		
27	Hợp đồng bảo hiểm Kè suối Muội Thuận Châu	Giấy	Hộp		
28	Dự án ĐCĐC bản Phiêng Bó, Phiêng Luông, Quỳnh Nhai	Giấy	Hộp		
29	NSH Liêng bản xã Chiềng Mung, Mai Sơn	Giấy	Hộp		
30	Các VB pháp lý Kè suối Tắc	Giấy	Hộp		
31	NSH suối Lúa 2, huyện Phù Yên	Giấy	Hộp		
32	Trung tâm giống và Thủy Sản, cấp I thuộc hệ thống Thủy sản Quốc gia	Giấy	Hộp		
33	Thủy lợi bản Băn, xã Mường Cơi, Phù yên	Giấy	Hộp		
34	HS Công trình cấp NSH xã Tông Cọ (BC- KTKT)	Giấy	Hộp		
35	Cấp nước SH liên bản bản Chiềng Sàng, Yên châu	Giấy	Hộp		
36	Hồ sơ công trình thủy lợi bản Lầu xã Púng Bánh, huyện Sốp Cộp	Giấy	Hộp		
37	TKTK bản vẽ thi công công trình thủy lợi Hồ Lái bay	Giấy	Hộp		

TT	Nội dung hồ sơ	Dạng dữ liệu	Đơn vị	Số lượng trang A4	Ghi chú
38	Dự án bố trí sắp xếp dân cư vùng thiên tai 02 xã Chiềng Yên, Mường Men huyện Mộc Châu	Giấy	Hộp		
39	CT Thủy lợi - thủy điện Keo Bắc - Hồ sơ dự toán điều chỉnh	Giấy	Hộp		
40	Kè suối Lu (dự án), huyện Quỳnh Nhai	Giấy	Hộp		
41	Nâng cấp sửa chữa hồ Bản Kéo - Mai Sơn (Phần bổ sung)	Giấy	Hộp		
42	Nước sinh hoạt Song Khủa Mộc Châu	Giấy	Cấp dây		
43	Cải tạo nâng cấp khu khảo nghiệm và sản xuất giống lúa nước tại trại giống lúa Pọt Là, Chiềng Cơi, tp Sơn La	Giấy	Hộp		
44	HS Bồi thường đợt 1- CT Kè chống sạt lở bờ Suối Muội, bản Nà Lĩnh, bản Pán	Giấy	Hộp		
45	Hồ sơ Kè chống sạt lở hai bên bờ Suối Tác Giai đoạn III, huyện Phù Yên	Giấy	Hộp		
46	Điều chỉnh Bổ sung dự án bước thiết kế cơ sở công trình: Trung tâm giống thủy sản cấp 1 thuộc hệ thống thủy sản Quốc gia xã Tông cọ, huyện Thuận Châu	Giấy	Hộp		
47	Tiêu dự án " Nâng cấp cụm công trình thủy lợi kết hợp kè chống sạt lở xã Thôn Mòn huyện Thuận Châu" (thiết kế cơ sở)	Giấy	Hộp		
48	Xin ý kiến thẩm định dự án Kè Nậm La giai đoạn II từ cầu Cống Nọi đến khu viện Dưỡng Lão	Giấy	Hộp		
49	Hồ sơ Hoàn công kè Suối Tác Giai đoạn III	Giấy	Hộp		
50	Hồ Sơ Hoàn công Kè chống sạt lở kè Suối Muội	Giấy	Hộp		
51	Thủy lợi Phai Na Men, Chiềng Sàng, Yên Châu	Giấy	Hộp		
52	Các Kết quả thẩm định từ năm (2016-2021)	Giấy	Hộp		
53	Thủy lợi điểm TĐC phường Chiềng Sinh, tp Sơn La(gđ BCKTKT)	Giấy	Hộp		
54	DA Kè bờ suối Nậm La, đoạn Cầu Coóng Nọi, Cầu 308(giai đoạn Lập DADT)	Giấy	Hộp		
55	Nâng cấp cải tạo khu Trại giống Phù Yên,	Giấy	Hộp		
56	Công trình thủy lợi Nậm Nhứ, xã Long Hẹ huyện Thuận Châu	Giấy	Hộp		
57	Hồ sơ hoàn công: CT kè sạt lở bờ suối Tác GD III xã huy Hạ, huyện Phù Yên	Giấy	Hộp		

TT	Nội dung hồ sơ	Dạng dữ liệu	Đơn vị	Số lượng trang A4	Ghi chú
58	Hồ chứa nước bản Chiềng Đen xã Chiềng Chăn, Mai Sơn	Giấy	Hộp		
59	Hồ sơ Hoàn công Kè chống sạt lở Suối Tác giai đoạn 3, Phù Yên	Giấy	Hộp		
60	Hệ thống NSH các bản Lóng Luông, Pa Kha, Săn Cài, Tân Lập xã Lóng Luông huyện Mộc Châu	Giấy	Hộp		
61	Hồ sơ Hoàn công dự án sửa chữa các công trình thủy lợi khắc phục hậu quả hạn hán vụ đông xuân 2011-2012 (hồ Bản Mòn; Chiềng Khoi; Co Muong; Nậm Công; Chờ Lông)	Giấy	Hộp		
62	Nước sinh hoạt các bản xã Chiềng Chăn Mai Sơn	Giấy	Hộp		
63	Hồ Suối Chiếu Phù Yên	Giấy	Hộp		
64	Sửa chữa thủy lợi Phai Ta Sốp Cộp	Giấy	Hộp		
65	NSH bản Si xã Chiềng Chăn, Mai Sơn	Giấy	Hộp		
66	Kè Suối Muội (dự án)	Giấy	Hộp		
67	Kè chống sạt lở bờ suối tác GĐ III	Giấy	Hộp		
68	Sửa chữa nâng cấp mương bản Pản, xã Huổi Một, Sông Mã	Giấy	Hộp		
69	HS Cấp nước sinh hoạt liên bản xã Chiềng Khoong, huyện Sông Mã	Giấy	Hộp		
70	HS Hệ thống phai đập kênh mương xã Mường Khoa, huyện Bắc Yên	Giấy	Hộp		
71	Tập bản vẽ Tiểu dự án nâng cấp cụm công trình Thủy lợi kết hợp kè chống sạt lở xã Thôn Mòn, huyện Thuận Châu	Giấy	Hộp		
72	Sửa chữa Công trình thủy lợi khắc phục hạn hán thiên tai vụ Đông xuân 2011-2012	Giấy	Hộp		
73	Sắp xếp dân cư bản Đông Tấu xã Chiềng Đông, H Yên Châu	Giấy	Hộp		
74	Hồ sơ Gói 5 Kè suối Tác giai đoạn III	Giấy	Hộp		
75	Công trình thủy lợi Nong Phặng, xã Muối Nọi, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La	Giấy	Hộp		
76	Nghiệm thu: Kè chống sạt lở Suối Tác giai đoạn 3	Giấy	Hộp		
77	BCKTKT công trình thủy lợi bản Lương xã xã Mường Bằng huyện Mai Sơn	Giấy	Hộp		
78	Sửa chữa thủy lợi bản Phạ xã Mường É huyện Thuận Châu	Giấy	Hộp		

TT	Nội dung hồ sơ	Dạng dữ liệu	Đơn vị	Số lượng trang A4	Ghi chú
79	Hồ sơ Hoàn công 02 công trình Sửa chữa chống hạn vụ đông xuân năm 2012-2013 CT Hồ Co Muông, thủy điện Chờ Lồng	Giấy	Hộp		
80	Cấp nước SH dân sở tại bản Mến, bản Mùa, bản Chao, xã Chiềng Ngâm huyện Thuận Châu	Giấy	Hộp		
81	Công trình NSH tiểu khu 5 xã Chiềng Sơn, huyện Mộc Châu	Giấy	Hộp		
82	Bố trí sắp xếp dân cư vùng thiên tai sạt lở đất bản Phạ, xã Cà Nà, huyện Quỳnh Nhai	Giấy	Hộp		
83	Thủy lợi điểm TCD xóm 5 xã Nà Nghiu, huyện Sông Mã	Giấy	Hộp		
84	HS tổng mức đầu tư Thủy lợi Háng Đồng, huyện Bắc Yên (1/2)	Giấy	Hộp		
85	HS tổng mức đầu tư Thủy lợi Háng Đồng, huyện Bắc Yên (2/2)	Giấy	Hộp		
86	NSH Liên bản xa Chiềng Cang, huyện Sông Mã	Giấy	Hộp		
87	Thủy lợi bản Nong Vai, xã Co Mạ, huyện Thuận Châu	Giấy	Hộp		
88	Thủy lợi điểm TDC xóm 5 xã Nà Nghiu huyện Sông Mã (tập 3)	Giấy	Hộp		
89	Nâng cấp sửa chữa thủy lợi Thái Thượng, thái Hạ xã Mường Thái huyện Phù Yên	Giấy	Hộp		
90	Sửa chữa thủy lợi phai Sai, xã Muối Nọi huyện Thuận Châu	Giấy	Hộp		
91	Xây dựng Cơ sở hạ tầng cho mô hình SAZ tiểu khu mía đường - TT Nông Trường huyện Mộc Châu	Giấy	Hộp		
92	Thủy lợi Noong Cao, Thuận Châu	Giấy	Hộp		
93	Thủy lợi Suối Sập GD II	Giấy	Hộp		
94	HS Hoàn công 02 công trình Sửa chữa chống hạn vụ Đông Xuân 2012-2013; CT Hồ Co Muông, Thủy lợi Chờ Lồng	Giấy	Hộp		
95	Công trình Sửa chữa cải tạo trung tâm giáo dục lao động huyện Sông Mã- GD BCKTKT	Giấy	Hộp		
96	Xử lý khẩn cấp hồ chứa nước bản Muông, xã Chiềng Cọ, TP Sơn La	Giấy	Hộp		
97	DA Bố trí sắp xếp dân cư vùng thiên tai bản Pật, xã Mường Chùm, huyện Mường La, tỉnh Sơn La	Giấy	Hộp		
98	Cải tạo nâng cấp thủy lợi Chờ lồng, huyện Yên Châu	Giấy	Hộp		

TT	Nội dung hồ sơ	Dạng dữ liệu	Đơn vị	Số lượng trang A4	Ghi chú
99	Thủy lợi bản Pú Dánh, xã Ngọc Chiến, Mường La	Giấy	Hộp		
100	Thủy lợi Suối Sập (giai đoạn II) huyện Phù Yên	Giấy	Hộp		
101	Hồ sơ hoàn công gói thầu số 05 hạng mục: Công trình đầu mối, đường nhà quản lý hồ bản Mòn xã Mường Bon, huyện Mai Sơn; dự án: Sửa chữa, nâng cấp cụm hồ chứa nước tỉnh Sơn La	Giấy	Hộp		
102	Công trình CNSH Liên bản xã Huy Hạ tỉnh Sơn La (điều chỉnh)	Giấy	Hộp		
103	Hồ sơ tiểu dự án: xây dựng cơ sở hạ tầng cho mô hình SAZ Noong Lào - xã Chiềng Pha, huyện Thuận Châu	Giấy	Hộp		
104	Hồ sơ thiết kế kỹ thuật -KVTK điều chỉnh công trình thủy lợi hồ Lái Bay huyện Thuận Châu	Giấy	Hộp		
105	Hồ sơ công trình Pha Luông xã Chiềng Sơn, huyện Mộc Châu	Giấy	Hộp		
106	Kết cấu hạ tầng điểm TĐC Huổi Kinh 1,2 xã Chiềng Ôn	Giấy	Hộp		
107	Đầu tư xây dựng kè chống sạt lở bờ Hữu Suối Non đoạn qua TT Mộc Châu, huyện Mộc Châu	Giấy	Hộp		
108	CT sửa chữa hệ thống NSH liên bản xã Mường Sang huyện Mộc Châu	Giấy	Hộp		
109	BCKTKT: Công trình thủy lợi bản Tĩa xã Xam Kha huyện Sốp Cộp	Giấy	Hộp		
110	Xử lý khẩn cấp hồ chứa nước bản Muông xã Chiềng Cọ, TP Sơn La	Giấy	Hộp		
111	CT Thủy lợi Sông Chổng xã Xím Vàng, huyện Bắc Yên	Giấy	Hộp		
112	Thủy lợi Tường Do xã Mường Do huyện Phù Yên	Giấy	Hộp		
113	Xử lý khẩn cấp Hồ chứa nước bản Muông xã Chiềng Cọ, TP Sơn la	Giấy	Hộp		
114	Tiểu dự án "Nâng cấp cụm công trình thủy lợi kết hợp kè chống sạt lở xã Thôn Mòn huyện Thuận Châu"	Giấy	Hộp		
115	Thủy lợi + Cấp nước SH điểm tái định cư bản Phiêng Phòng, Nà Nghịu Sông Mã	Giấy	Hộp		

TT	Nội dung hồ sơ	Dạng dữ liệu	Đơn vị	Số lượng trang A4	Ghi chú
116	NSH điểm TĐC Tạng Tào Suối Quốc Bản Nà Dồn Chiềng Sại Bắc Yên	Giấy	Hộp		
117	Xử lý khẩn cấp Hồ chứa nước bản Muông xã Chiềng Cọ, TP Sơn la (tập 1)	Giấy	Hộp		
118	Thủy lợi bản Kẹ xã Mường Chanh, huyện Mai Sơn	Giấy	Hộp		
119	Thủy lợi Chờ Lồng huyện Yên Châu	Giấy	Hộp		
120	Thủy lợi Chờ Lồng huyện Yên Châu	Giấy	Hộp		
121	Hồ sơ công trình thủy lợi bản Háng, xã Mường Tè thủy lợi bản Lè, xã Chiềng Khoa, huyện Vân Hồ	Giấy	Hộp		
122	Hồ sơ công trình đầu xây dựng kè chống sạt lở bờ hữu suối Non đoạn thị trấn Mộc Châu - Sơn La năm 2014	Giấy	Hộp		
123	Hồ sơ Dự án bố trí sắp xếp dân cư vùng thiên tai sạt lở đá tại bản Ca, xã Chiềng Khoang, huyện Quỳnh Nhai, tỉnh Sơn La	Giấy	Hộp		
124	Hồ sơ công trình cấp NSH điểm TĐC xen ghép Sóng Khoang - Suối Liếm, bản Nguồn, xã Song Pe - huyện Bắc Yên - tỉnh Sơn La	Giấy	Hộp		
125	Hồ sơ công trình thủy lợi Sông Chông, xã Sím Vàng, huyện Bắc Yên, tỉnh Sơn La	Giấy	Hộp		
126	Hồ sơ công trình xử lý khẩn cấp hồ chứa nước bản Muông, xã Chiềng Cọ, thành phố Sơn La	Giấy	Hộp		
127	Sửa chữa nâng cấp phai Dèm Thượng- Phù Yên	Giấy	Hộp		
128	HS Thủy lợi từ kênh thoát lũ (Huổi chơn) Thuận Châu	Giấy	Hộp		
129	Xây dựng mô hình SAZ bản Kiến Xương xã Phông Lái huyện Thuận Châu	Giấy	Hộp		
130	Cải tạo nâng cấp TL Chờ Lồng, huyện Yên Châu	Giấy	Hộp		
131	Hồ sơ Kè phòng chống lũ, sạt lở đất và hạ tầng kỹ thuật khu dân cư Dọc suối muối, huyện Thuận Châu (giai đoạn II)	Giấy	Hộp		
132	Nâng cấp Thủy lợi bản Hang Chú xã Hang Chú huyện Bắc Yên	Giấy	Hộp		
133	HS Hồ Chứa nước bản Muông - Sơn La	Giấy	Hộp		
134	HS Hoàn công DA Hồ chứa nước bản Muông, Sơn La	Giấy	Hộp		
135	HS hoàn công CT Xử lý khẩn cấp hồ chứa nước bản Muông, xã Chiềng Cọ, tp Sơn La	Giấy	Hộp		

TT	Nội dung hồ sơ	Dạng dữ liệu	Đơn vị	Số lượng trang A4	Ghi chú
136	HS Hoàn công Cải tạo, nâng cấp Hồ chứa nước Đen Phường, xã Chiềng Chăn, huyện Mai Sơn	Giấy	Hộp		
137	Tiểu dự án: Nâng cấp cụm công trình thủy lợi huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La	Giấy	Hộp		
138	Cải tạo nâng cấp CT thủy lợi Chờ Lòng - Yên Châu	Giấy	Hộp		
139	Xử lý khẩn cấp hồ chứa nước bản Muông, tp Sơn La (HS thanh toán)	Giấy	Hộp		
140	Hồ chứa nước bản Muông xã Chiềng Ngần, tp Sơn La (HS hoàn công)	Giấy	Hộp		
141	Thủy lợi Nhà Tấu, Đứa Mòn Sông Mã giai đoạn TKBVTC	Giấy	Hộp		
142	Sửa chữa thủy lợi Lái Lè xã Phóng Lái huyện Thuận Châu	Giấy	Hộp		
143	Hồ sơ hoàn công xử lý khẩn cấp hồ chứa nước bản Muông - Sơn La (xử lý khoan phụt khớp nối)	Giấy	Hộp		
144	Sửa chữa thủy lợi Nhà Lanh xã É Tông, huyện Thuận Châu	Giấy	Hộp		
145	Dự án cải tạo nâng cấp công trình thủy lợi Chờ Lòng huyện Yên Châu tỉnh Sơn La	Giấy	Hộp		
146	TKBVTC Kè suối Lu Phiêng Lanh, huyện Quỳnh Nhai	Giấy	Hộp		
147	Hồ sơ dự án Hồ chứa nước bản Muông, xã Chiềng Cọ, thành phố Sơn La	Giấy	Hộp		
148	Hồ sơ dự án cải tạo nâng cấp công trình thủy lợi chợ Lòng, huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La	Giấy	Hộp		
149	Hồ sơ dự án điều chỉnh: Kè bờ suối Nậm La (đoạn cầu 308 - Cầu Coong Nội	Giấy	Hộp		
150	Xây dựng bản đồ ngập lụt cho vùng hạ du đập Huổi Vành, huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La	Giấy	Hộp		
151	Cấp NSH Liên bản xã Chiềng Dong, huyện Mai Sơn	Giấy	Hộp		
152	Sửa chữa Thủy lợi Nậm Công huổi Một huyện Sông Mã	Giấy	Hộp		
153	Thủy lợi bản Kẹ xã Mường Chanh huyện Mai Sơn	Giấy	Hộp		
154	Đầu tư xây dựng kè chống sạt lở bờ Hữu Suối Non đoạn qua TT Mộc Châu, huyện Mộc Châu (Tập 2)	Giấy	Hộp		

TT	Nội dung hồ sơ	Dạng dữ liệu	Đơn vị	Số lượng trang A4	Ghi chú
155	Thuỷ lợi hồ Chiềng Khoi huyện Yên Châu	Giấy	Hộp		
156	Hồ sơ thiết kế bước thiết kế bản vẽ thi công công trình: Cấp NSH điểm TĐC bản Léch, xã Chiềng Lao, huyện Mường La, tỉnh Sơn La	Giấy	Hộp		
157	Hồ sơ công trình cấp NSH tiểu khu 1 điểm TĐC Pu Pau cấp NSH Nà Tén (TK 8) TĐC Co Phương huyện Mộc Châu	Giấy	Hộp		
158	Công trình thuỷ lợi Nà Sủ Sộp Cộp	Giấy	Hộp		
159	Kênh mương Phai Luông Mai Sơn	Giấy	Hộp		
160	NSH bản Chiêu, suối Chiêu, Phù Yên	Giấy	Cấp dây		
161	HS Thiết kế thi công Cấp NSH bản Phiêng Tam, bản Đông Hưng, Bản Tây Hưng	Giấy	cấp dây		
162	HS thiết kế thi công Thủy lợi Phai Sút, xã Mường Sại- huyện Sông Mã-	Giấy	Hộp		
163	HS Cấp bổ sung 10 cọc đầu và dịch chuyển, xây lại mốc Quốc Giới 260	Giấy	Hộp		
164	BCKT NSH Nà Nhựt Mường La	Giấy	Hộp		
165	Kè Suối Mon, huyện Mộc Châu (giai đoạn TKTC)	Giấy	Cấp		
166	Sắp xếp dân cư Phiêng Luông, xã Phổng Lái, Thuận Châu	Giấy	Hộp		
167	Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công Sắp xếp dân cư xã Chiềng Lao, NSH Tạ Bú, Chiềng Hoa, huyện Mường La	Giấy	Hộp		
168	Công trình thuỷ lợi bản Hang Trùng I, II xã Vân Hồ, huyện Vân Hồ	Giấy	Hộp		
169	Hồ sơ nước sinh hoạt Nậm Răng xã Lóng Phiêng huyện Yên Châu	Giấy	Hộp		
170	BCKTKT: Dự án xử lý khẩn cấp hồ chứa nước Chiềng Khoi, huyện Yên Châu	Giấy	Hộp		
171	Dự án xử lý khẩn cấp hồ chứa nước Chiềng Khoi, huyện Yên Châu	Giấy	Hộp		
172	Nước sinh hoạt bản Hát Hay Mường La	Giấy	Hộp		
173	Hệ thống kè thoát lũ TT xã Chiềng Hắc Mộc Châu	Giấy	Hộp		
174	Mương thoát lũ từ QL6-Suối Bon Phặng Thuận Châu	Giấy	Cấp dây		

TT	Nội dung hồ sơ	Dạng dữ liệu	Đơn vị	Số lượng trang A4	Ghi chú
175	Các Kết quả thẩm định từ năm (2016-2021)	Giấy	Hộp		
176	DA Tái cơ cấu Nông Lâm sản vùng Chiềng Yên, Quang Minh, Xuân Nha, huyện Vân Hồ, tỉnh Sơn La (Tập BV TKCS)	Giấy	hộp		
177	Hồ chứa nước bản Púng, xã Chiềng Khoong, huyện Sông Mã (bước TKCS)	Giấy	Hộp		
178	HS thẩm định Kè Suối Nậm La (tài liệu khảo sát)	Giấy	Hộp		
179	Thoát lũ suối Dòn, Tông Lạnh, Thuận Châu (gia đoạn TKBVTC)	Giấy	Hộp		
180	Kè chống sạt lở Sông Mã	Giấy	Hộp		
181	Dự án xử lý khẩn cấp hồ chứa nước Chiềng Khoi (Hồ sơ khoan Phụt	Giấy	Hộp		
182	NC Bước Khả thi: Dự án hệ thống thủy lợi Tường Thượng, Tường Phù, Gia Phù, huyện Phù Yên	Giấy	Hộp		
183	Thiết kế cơ sở: Hồ chứa nước Nà Ngập xã Chiềng Khoong huyện Sông Mã	Giấy	Hộp		
184	Hồ sơ Hoàn công: Dự án xử lý khẩn cấp hồ chứa nước Chiềng Khoi (Hồ sơ khoan Phụt)	Giấy	Hộp		
185	BCNCKT: Kè suối Nậm La, TP Sơn La tỉnh Sơn La	Giấy	Hộp		
186	Tiểu dự án sửa chữa và nâng cao an toàn đập (WB8)	Giấy	Hộp		
187	Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công công trình Kè suối Nậm La, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La	Giấy	Hộp		
188	BCNCKT DTXD điều chỉnh: Dự án kè Suối Nậm La, Tp Sơn La	Giấy	Hộp		
189	Công trình nâng cấp sửa chữa nhà máy thủy luân Bản Hạm, Lả Mường, Ai Chiềng Xôm, TP Sơn La	Giấy	Hộp		
190	Kè suối Mon, Mộc châu (BVTC)	Giấy	Hộp		
191	Kè Nậm La (giai đoạn 1) TP Sơn La	Giấy	Hộp		
192	Hồ sơ quản lý chất lượng: CT Hồ Huổi Vành Yên Châu	Giấy	Hộp		
193	HS Sửa chữa, cải tạo mở rộng công trình NSH liên bản xã Chiềng Cọ, tp Sơn La	Giấy	Hộp		
194	HS khảo sát Sửa chữa và nâng cao an toàn đập(WB8) tỉnh Sơn La(giai đoạn NCKT)	Giấy	Hộp		

TT	Nội dung hồ sơ	Dạng dữ liệu	Đơn vị	Số lượng trang A4	Ghi chú
195	DA Sắp xếp dân cư Bản Sọc, xã Mường Bang, H Phù Yên	Giấy	Hộp		
196	Hồ sơ thẩm định kè suối Nậm La giai đoạn 1 - Điều chỉnh lần 2	Giấy	Hộp		
197	Hồ sơ khảo sát thiết kế hệ thống cấp nước tái định cư (Ten Cưởm 1, 2 và Ten Đôn) thuộc dự án hồ chứa nước bản Mòng, thành phố Sơn La	Giấy	Hộp		
198	Công trình thoát lũ xã Tông Cộ, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La	Giấy	Hộp		
199	Kè Nậm La giai đoạn II từ cầu Cống Nội đến khu viện Dưỡng Lão	Giấy	Hộp		
200	Thủy lợi Suối Tre Phù Yên	Giấy	Hộp		
201	Thủy lợi Phai Giếng-Xã Mường Do huyện Phù Yên	Giấy	Hộp		
202	Bố trí sắp xếp dân cư Pư Lai suối Bàng Vân Hồ	Giấy	Hộp		
203	Hệ thống thủy lợi Nà Sản Mai Sơn	Giấy	Hộp		
204	Thủy lợi bản Nhọt 1, xã Gia Phù, huyện Phù Yên	Giấy	Hộp		
205	HS Đầu tư nâng cấp sửa chữa xây dựng mới cơ sở hạ tầng điểm TĐC huyện huyện Thuận châu(TKBVTC)	Giấy	Hộp		
206	Hồ sơ thẩm định kè suối Nậm La giai đoạn 1 - Điều chỉnh lần 3	Giấy	Hộp		
207	BCKTKT công trình thủy lợi bản Xa - Keo Lán xã Sập Xa	Giấy	Hộp		
208	Hồ sơ công trình hồ chứa nước Xum Lo, xã Chiềng Mung, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La	Giấy	Hộp		
209	TK BVTC công trình Bố trí sắp xếp dân cư vùng thiên tai Pư Lai xã Suối Bàng, huyện Vân Hồ	Giấy	Hộp		

DANH MỤC THÔNG TIN, DỮ LIỆU VỀ TRỒNG TRỌT, BẢO VỆ THỰC VẬT
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2025 của UBND tỉnh)

STT	Tiêu đề hồ sơ	Dạng dữ liệu	Đơn vị	Số tờ/bộ dự kiến	Ghi chú
I	Trồng trọt				
1	Hồ sơ Dự án “Hỗ trợ phát triển sản xuất sản phẩm quả Trám xen cây cà phê, cây chè liên kết theo chuỗi giá trị sản phẩm quả gắn với tiêu thụ sản phẩm quy mô liên huyện Thuận Châu và Sốp Cộp	Giấy	Hồ Sơ	641	
2	Hồ sơ Mô hình tái canh cây cà phê trên địa bàn tỉnh Sơn La năm 2024	Giấy		193	
3	Hồ sơ tiếp nhận công bố hợp quy đối với các sản phẩm hàng hóa sản xuất trong nước được quản lý bởi các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành lĩnh vực trồng trọt (Hồ sơ tiếp nhận bản công bố hợp quy phân bón giai đoạn 2018 - 2020)	Giấy		243	
4	Hồ sơ tiếp nhận công bố hợp quy đối với các sản phẩm hàng hóa sản xuất trong nước được quản lý bởi các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành lĩnh vực trồng trọt (Hồ sơ tiếp nhận bản công bố hợp quy phân bón giai đoạn 2021-2027)	Giấy		740	
5	Hồ sơ tiếp nhận công bố hợp quy đối với các sản phẩm hàng hóa sản xuất trong nước được quản lý bởi các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành lĩnh vực trồng trọt (Hồ sơ tiếp nhận bản công bố hợp quy giống cây trồng)	Giấy		11	
6	Hồ sơ cấp giấy xác nhận quảng cáo phân bón (năm 2018)	Giấy		444	
7	Hồ sơ cấp giấy xác nhận quảng cáo phân bón (năm 2019)	Giấy		294	
8	Hồ sơ cấp giấy xác nhận quảng cáo phân bón (Năm 2020)	Giấy		156	
9	Hồ sơ cấp giấy xác nhận quảng cáo phân bón (giai đoạn 2021 – 2025)	Giấy		484	
10	Hồ sơ cấp/cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón năm 2019	Giấy		1265	
11	Hồ sơ cấp/cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón năm 2020 (2 tập)	Giấy		2893	

STT	Tiêu đề hồ sơ	Dạng dữ liệu	Đơn vị	Số tờ/bộ dự kiến	Ghi chú
12	Hồ sơ cấp/cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón năm 2021	Giấy		814	
13	Hồ sơ cấp/cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón năm 2022	Giấy		1248	
14	Hồ sơ cấp/cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón năm 2023	Giấy		957	
15	Hồ sơ cấp/cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón năm 2024	Giấy			
16	Hồ sơ cấp Quyết định phục hồi, quyết định công nhận cây đầu dòng, vườn cây đầu dòng cây công nghiệp, cây ăn quả lâu năm (Hồ sơ cây ăn quả giai đoạn 2012 - 2015)	Giấy		535	
17	Hồ sơ cấp Quyết định phục hồi, quyết định công nhận cây đầu dòng, vườn cây đầu dòng cây công nghiệp, cây ăn quả lâu năm (Hồ sơ cây ăn quả giai đoạn 2016 - 2020)	Giấy		844	
18	Hồ sơ cấp Quyết định phục hồi, quyết định công nhận cây đầu dòng, vườn cây đầu dòng cây công nghiệp, cây ăn quả lâu năm (Hồ sơ cây ăn quả giai đoạn 2021- 2024)	Giấy		482	
19	Hồ sơ cấp Quyết định phục hồi, quyết định công nhận cây đầu dòng, vườn cây đầu dòng cây công nghiệp, cây ăn quả lâu năm (Hồ sơ cây công nghiệp giai đoạn 2012 - 2024)	Giấy		468	
20	Hồ sơ đánh giá nội bộ về áp dụng ISO năm 2021, 2022, 2023, 2024	Giấy		164	
21	Hồ sơ tập huấn bồi dưỡng chuyên môn về thuốc bảo vệ thực vật, phân bón năm 2019	Giấy		512 bộ	
22	Hồ sơ tập huấn bồi dưỡng chuyên môn về thuốc bảo vệ thực vật, phân bón năm 2020	Giấy		238 bộ	
23	Hồ sơ tập huấn bồi dưỡng chuyên môn về thuốc bảo vệ thực vật, phân bón năm 2022	Giấy		323 bộ	
24	Hồ sơ tập huấn bồi dưỡng chuyên môn về thuốc bảo vệ thực vật, phân bón năm 2023	Giấy		36 bộ	
25	Hồ sơ xây dựng hệ thống, quy trình, quy định thực hiện theo tiêu chuẩn ISO năm 2024	Giấy		25 QT +1 STCL	
26	Hồ sơ tập huấn bồi dưỡng chuyên môn về thuốc bảo vệ thực vật, phân bón	Giấy		926	
II	Bảo vệ thực vật	Giấy			
1	Hồ sơ Quảng cáo thuốc năm 2022	Giấy		288	
2	Hồ sơ Quảng cáo thuốc năm 2023	Giấy		193	
3	Hồ sơ cấp/cấp lại Giấy chứng nhận buôn bán thuốc bảo vệ thực vật năm 2022	Giấy		877	

STT	Tiêu đề hồ sơ	Dạng dữ liệu	Đơn vị	Số tờ/bộ dự kiến	Ghi chú
4	Hồ sơ Xử lý bao gói thuốc bảo vệ thực vật năm 2022	Giấy		842	
5	Hồ sơ Xử lý bao gói thuốc BVTV năm 2023	Giấy		439	
6	Hồ sơ Xử lý thuốc bảo vệ thực vật năm 2024	Giấy		388	
7	Hồ sơ thanh toán gói thầu xử lý bao gói thuốc BVTV sau sử dụng năm 2022	Giấy		319	
8	Hồ Sơ về sâu keo mùa thu năm 2022	Giấy		Theo SL thực tế	
9	Đề tài sâu keo mùa thu năm 2023	Giấy			
10	Hồ sơ nghị Quyết 88 Chương trình Mục tiêu Quốc gia năm 2022	Giấy			
11	Hồ sơ cấp/cấp lại Giấy chứng nhận buôn bán thuốc bảo vệ thực vật năm 2023	Giấy			
12	Hồ sơ cấp/cấp lại Giấy chứng nhận buôn bán thuốc bảo vệ thực vật năm 2024	Giấy		108 bộ	
13	Hồ sơ cấp mã số vùng trồng 2022	Giấy		1000	
14	Hồ sơ cấp mã số cơ sở đóng gói 2022	Giấy		495	
15	Hồ sơ cấp mã số vùng trồng và Cơ sở đóng gói 2023	Giấy		164	
16	Hồ sơ cấp mã số vùng trồng và Cơ sở đóng gói 2024	Giấy		Theo SL thực tế	
17	Hồ sơ giám sát mã số vùng trồng 2021	Giấy			